

Số: 196/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý sơ thẩm số 520/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026, về việc “Tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Cai Thị H**, sinh năm 1947.

CCCD số 082147007578, cấp ngày 22/9/2021.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cai Thị H: Bà **Hồ Thị Ánh T**, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 22/6/2026 tại Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Đồng Tháp)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1982.

CCCD số 082082024027.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1965.

CCCD số 082065018434, cấp ngày 10/02/2025.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1967.

CCCD số 082067020320, cấp ngày 21/3/2022.

Địa chỉ: Khu phố L, phường G, tỉnh Tây Ninh.

- Ông **Nguyễn Thanh H2**, sinh năm 1969.

CCCD số 082069014033, cấp ngày: 24/02/2022.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông **Nguyễn Thanh H3**, sinh năm 1973.

CCCD số 082073002242, cấp ngày 24/4/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông **Nguyễn Thanh L1**, sinh năm 1976.

CCCD số 082076003154, cấp ngày 03/6/2022.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H2, ông Nguyễn Thanh H3 và ông Nguyễn Thanh L1: Bà **Hồ Thị Ánh T**, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/7/2026 tại Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Đồng Tháp).*

- Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1983.

CCCD số 082083003272, cấp ngày 22/6/2022.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1984.

CCCD số 082184024196, cấp ngày 24/4/2021.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 2002.

CCCD số 082202002171, cấp ngày 26/5/2022.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh **Nguyễn Đại P**, sinh năm 2007.

CCCD số 082207017747, cấp ngày 15/11/2021.

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Đăng K và anh Nguyễn Đại P: Bà **Hồ Thị Ánh T**, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 08/7/2026 tại Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Đồng Tháp).*

- Ông **Trương Ngọc P1**, sinh năm 1978.

CCCD số 082078025895, cấp ngày 06/8/2023.

Địa chỉ: Số B V, khu phố B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà **Nguyễn Thị Huế P2**, sinh năm 1980.

CCCD số 082180023561, cấp ngày 30/8/2021.

- Cháu **Lê Ngọc Huệ M**, sinh năm 2013. (do bà P2 đại diện)

CCCD số 082313000579, cấp ngày 06/5/2026.

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Phần diện tích tranh chấp đo đạc thực tế là $12,4\text{m}^2$ (gồm $11,5\text{m}^2$ đất có nhà ở và $0,9\text{m}^2$ đất có phần mái che), có điểm mốc như sau:

+ Điểm M12 đến Điểm M13, dài $0,57\text{m}$.

+ Điểm M13 đến Điểm M14 dài $14,91\text{m}$ (đoạn có mái che dài $1,59\text{m}$ và đoạn có nhà ở dài $13,32\text{m}$).

+ Điểm M14 đến Điểm M15 dài $1,1\text{m}$.

+ Điểm M15 đến Điểm M12 dài $14,93\text{m}$ (đoạn có mái che dài $1,63\text{m}$ và đoạn có nhà ở dài $13,3\text{m}$).

Công nhận phần diện tích $12,4\text{m}^2$ tranh chấp nêu trên, tọa tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp thuộc quyền sử dụng của ông Trương Ngọc P1, thuộc thửa đất 459, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VII, tỉnh Đồng Tháp) cấp ngày 21/8/2023 cho ông Trương Ngọc P1, số vào sổ CN05703, diện tích thửa đất 459 là $263,2\text{m}^2$ (diện tích $250,8\text{m}^2$ theo giấy và biến động tăng thêm $12,4\text{m}^2$ là phần diện tích tranh chấp).

Ông Trương Ngọc P1 được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để tiến hành các thủ tục điều chỉnh, đăng ký biến động đối với phần diện tích $12,4\text{m}^2$ theo nội dung thỏa thuận như trên.

Ông Trương Ngọc P1 có nghĩa vụ phải hoàn tất mọi khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc sử dụng đất và các quy định khác của pháp luật về đất đai, thực hiện cùng lúc khi tiến hành thủ tục đăng ký biến động hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Có Sơ đồ đo đạc tranh chấp kèm theo)

2.2. Chia thừa kế cho bà Cai Thị H được quản lý, sử dụng và cá nhân bà Cai Thị H Hường được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất sau đây:

- Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 23, diện tích theo giấy 138m^2 , (thực đo $137,7\text{m}^2$), tọa lạc tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N ngày 06/7/2015, số vào sổ CH00898.

- Thửa đất số 143, tờ bản đồ số 23, diện tích thực tế còn lại $149,7\text{m}^2$ (thực đo $162,1\text{m}^2$ nhưng trừ đi phần diện tích $12,4\text{m}^2$ công nhận cho ông Trương Ngọc P1) tại Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N ngày 06/7/2015, số vào sổ CH00899, có các điểm mốc như sau:

+ Điểm M12 đến Điểm M15 dài $14,93\text{m}$ (đoạn có mái che dài $1,63\text{m}$ và đoạn có nhà ở dài $13,3\text{m}$).

+ Điểm M15 đến Điểm M16, dài $9,65\text{m}$.

+ Điểm M16 đến Điểm M17 dài 15,62m.

+ Điểm M17 đến Điểm M12 dài 9,99m.

- Thửa đất số 460 (thửa cũ là 144), tờ bản đồ số 23, diện tích 1.149,9m², tại Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn N ngày 15/9/2006, số vào sổ H02193.

Bà Cai Thị H được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để tiến hành các thủ tục điều chỉnh, đăng ký biến động và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất như trên.

Bà Cai Thị H có nghĩa vụ phải hoàn tất mọi khoản thuế, phí, nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc sử dụng đất và các quy định khác của pháp luật về đất đai, thực hiện cùng lúc khi tiến hành thủ tục đăng ký biến động hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Các thửa đất có Sơ đồ đo đạc tranh chấp kèm theo)

3. Ghi nhận ông Trương Ngọc P1 tự nguyện hỗ trợ cho bà Cai Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), đã thực hiện xong.

4. Về án phí: Do bà Cai Thị H thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà Cai Thị H.

Ông Trương Ngọc P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự hòa giải thành là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông P1 đã nộp theo Biên lai thu số 0001531 ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông P1 đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4-Dồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Thạch Hải Âu